ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /ĐA-ĐHHĐ	*Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017*

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: **Sư phạm Khoa học Tự nhiên**
Mã số: **7140247**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Hồng Đức

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ; là trường Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa, đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT và các Bộ ngành Trung ương. Nhà trường đã không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục đại học. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

Với chức năng chủ yếu là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phát triển khoa học công nghệ nhằm phát triển Nhà trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước mà trước hết là cho tỉnh Thanh Hóa; nghiên cứu khoa học nhằm từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Nhà trường đã thực hiện tốt mục tiêu chất lượng đào tạo đa ngành với 4 lĩnh vực: Sư phạm, Kinh tế-QTKD, Kỹ thuật-Công nghệ và Nông Lâm Ngư nghiệp với đủ các bậc đào tạo; từng bước khẳng định được mô hình đào tạo của một trường đào tạo đa ngành trong hệ thống giáo dục đại học quốc dân.

Hiện nay, bộ máy của nhà trường gồm 33 đơn vị trực thuộc với 12 khoa chuyên môn, 11 phòng, 3 ban, 6 trung tâm và Trạm Y tế; 51 bộ môn quản lý chuyên môn trực thuộc các khoa đào tạo.

Về đội ngũ, Tính đến tháng 12/2017, tổng số cán bộ giảng viên hiện nay của nhà trường là 738 người, trong đó có 476 giảng viên cơ hữu. Về trình độ chuyên môn giảng viên có: 15 Phó giáo sư, 96 tiến sĩ, 331 thạc sĩ. Hiện tại 152 cán bộ giảng viên của nhà trường đang tham gia các chương đào tạo sau đại học (trong đó có 107 nghiên cứu sinh - 27 NCS ở nước ngoài). Nhà trường đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, quản lý giáo dục và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ giảng viên.

Về đào tạo, đến nay đã tự tổ chức đào tạo được 22 chuyên ngành sau đại học (4 chuyên ngành trình độ tiến sĩ và 18 chuyên ngành trình độ thạc sĩ); 35 ngành bậc đại học, 20 ngành bậc cao đẳng hệ chính quy và 8 ngành bậc cao đẳng nghề. Cùng với đào tạo chính quy, Nhà trường đang đào tạo các hình thức: VLVH, liên thông, văn bằng 2 và bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn để đáp ứng tối đa nhu cầu người học.

Nhà trường đã và đang liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo các ngành, chuyên ngành đại học và sau đại học. Năm 2015, liên kết với Trường Đại học Công nghệ Hoàng Gia Thanyaburi (Thái Lan) tuyển sinh đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế theo hình thức 1+3; đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) với trường Đại học Soongsil, Hàn Quốc. Bên cạnh đó, trường cũng đã và đang đào tạo hơn 320 lưu học sinh (Trình độ Đại học và trình độ thạc sĩ) cho tỉnh Hủa Phăn, nước CHDCND Lào.

Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 18.000 HSSV, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao.

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng bằng việc xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra của các ngành, chuyên ngành thuộc các bậc đào tạo; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực và phát huy năng lực người học, kết hợp với các cơ sở thực hành, thực tập, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo; đổi mới công tác kiểm tra đánh giá thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá quá trình học tập. Đề thi được ra theo hướng tổng hợp, vận dụng kiến thức thực tiễn, thực hành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo hành nghề cho sinh viên.

Về nghiên cứu khoa học, chỉ trong 5 năm qua, cán bộ giảng viên nhà trường đã triển khai thực hiện 5 đề tài khoa học cấp Nhà nước, 50 đề tài cấp Tỉnh và hơn 600 đề tài cấp Cơ sở. Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Hằng năm, cán bộ giảng viên đã công bố hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Năm 2008, nhà trường được Bộ Văn hóa thông tin và truyền thông cho phép xuất bản *Tạp chí khoa học* có chỉ số quốc tế ISSN. Hiện *Tạp chí khoa học* của nhà trường đã xuất bản được 12 số với hàng trăm bài báo có chất lượng được các nhà khoa học đầu ngành của các viện, trường đại học phản biện và có 4 ngành được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm công trình.

Về hợp tác quốc tế, từ năm 1997 đến nay, trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác quốc tế với hơn 40 trường đại học và các tổ chức quốc tế ở Mỹ, Canađa, Úc và nhiều nước châu Âu, châu Á; cử 186 lượt cán bộ đi học tập, công tác ở nước ngoài, đón và làm việc với 464 lượt khách quốc tế, cử 76 cán bộ đi học các khóa đào tạo ngắn, dài hạn theo chương trình hợp tác với nước ngoài, tiếp nhận 23 giáo viên tình nguyện đến giảng dạy tiếng Anh tại trường, ... Thực hiện đề án liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài bằng nguồn ngân sách địa phương, nhà trường đã tổ chức đào tạo được 6

khoá tiếng Anh quốc tế cho 144 học viên, gửi được 117 học viên đi học tại 57 trường đại học trên thế giới (trong đó có 18 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ, 78 cán bộ đi học thạc sĩ và 21 người học đại học).

Cơ sở vật chất, của nhà trường ngày càng khang trang; mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập, các tuyến thực địa trong và ngoài tỉnh được thiết lập; 8 phòng máy tính, 26 phòng thí nghiệm chuyên sâu và liên môn, 1 phòng LAB. Thư viện trường được đầu tư mua sắm giáo trình, tài liệu giảng dạy với số đầu giáo trình là 2834 - gồm 49087 cuốn; số đầu tài liệu tham khảo là 8.382 - gồm 79.884 cuốn; số bài báo và tạp chí là 894; cơ sở dữ liệu nước ngoài 6 loại với 148 đĩa CD-ROM; cơ sở dữ liệu trong nước 2 loại với 14 đĩa CD-ROM; phần mềm quản lí thư viện LIBOL,…Thư viện điện tử có 120 máy tính; Internet và mạng LAN được kết nối 24/24h trong toàn trường. Từ năm 2008, nhà trường đã lắp đặt hệ thống Wi-Fi tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng dạy, học và nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên.

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy hiện có 140 phòng học tiêu chuẩn: 9.170 m2, thư viện có 5.250 đầu sách với 132.313 cuốn tiếng Việt và 3.777 cuốn ngoại văn và có diện tích 2450 m2, 26 phòng thí nghiệm thực hành: 3262 m2, 22 phòng máy vi tính nối mạng đảm bảo đủ chỗ cho sinh viên và học viên học tập nghiên cứu và tự học; nhà học đa năng: 2060 m2, sân vận động: 10.000 m2) đạt bình quân 3,2m2/SV. Ký túc xá của nhà trường hiện có 1.800 chỗ, đảm bảo cho 22,5% SV có chỗ ở.

Nhà trường đã nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Lao động hạng Ba; Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT; Cờ thi đua của UBND tỉnh Thanh Hoá. Tháng 7/2017, Trường Đại học Hồng Đức đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận là cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học. Nhà trường đã phát triển đúng hướng và trở thành cơ sở đào tạo lớn nhất và ở trình độ cao nhất tỉnh Thanh Hoá, là con chim đầu đàn của hệ thống các trường đại học do địa phương quản lý.

2. Sự cần thiết mở ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên trình độ đại học

Thanh Hoá nằm ở cực Bắc Miền Trung, cách Thủ đô Hà Nội 150 km về phía Nam, cách Thành phố Hồ Chí Minh 1.560km về phía Bắc. Thanh Hoá nằm trong vùng ảnh hưởng của những tác động từ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, các tỉnh Bắc Lào và vùng trọng điểm kinh tế Trung bộ, ở vị trí cửa ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ, có hệ thống giao thông thuận lợi cho lưu thông Bắc Nam, với các vùng trong tỉnh và đi quốc tế. Về mặt tự nhiên, Thanh Hoá có địa hình đa dạng, thấp dần từ Tây sang Đông, chia làm 3 vùng rõ rệt: vùng núi và trung du, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Đồng bằng Sông Mã có diện tích lớn thứ ba sau đồng bằng Sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng. Vùng ven biển chiếm 9,95% diện tích toàn tỉnh, với bờ biển dài 102 km, địa hình tương đối bằng phẳng, có bãi tắm Sầm Sơn nổi tiếng, các khu nghỉ mát và những vùng đất đai rộng lớn thuận lợi cho việc nuôi trồng thuỷ sản, phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ kinh tế biển.

Về điều kiện kinh tế - xã hội, theo Tổng Cục thống kê Việt Nam, Thanh Hoá có 3.426.600 người; có 7 dân tộc anh em sinh sống là: Kinh, Mường, Thái, H'mông, Dao, Thổ, Hoa. Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở các huyện vùng núi cao và biên giới. Dân số trong độ tuổi lao động có khoảng 2,16 triệu người, chiếm tỷ lệ 58,8% dân số toàn tỉnh. Nguồn lao động của Thanh Hoá tương đối trẻ, có trình độ văn hoá khá. Lực lượng lao động đã qua đào tạo chiếm 27%, trong đó lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 5,4%.

2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Một trong những mục tiêu chiến lược đối với sự phát triển của Trường Đại học Hồng Đức là vấn đề nâng cao chất lượng nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên, phục vụ cho sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh Thanh Hóa nói riêng cũng như các địa phương khác trong khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Bên cạnh việc đào tạo giáo viên sư phạm truyền thống từ trước đến nay, Trường Đại học Hồng Đức cũng định hướng ưu tiên đối với việc đổi mới giáo dục theo xu thế chung của giáo dục Việt Nam cũng như thế giới, trong đó có vấn đề dạy học tích hợp các ngành Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội. Đó là cơ sở quan trọng để Trường Đại học Hồng Đức xây dựng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên, khẳng định và nâng cao vị thế của Trường trong lĩnh vực đào tạo và phát triển nguồn giáo viên chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành nghề, của xã hội.

2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

Giáo dục Khoa học tự nhiên có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của học sinh, có vai trò nền tảng trong việc giáo dục nhân cách của học sinh, góp phần đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực trẻ cho giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa của đất nước. Môn học KHTN được học ở các lớp và các cấp học khác nhau, tiêu chí xây dựng và mức độ tích hợp khác nhau nhưng xu hướng chung là tích hợp cao ở các lớp dưới và phân hoá dần ở các lớp trên. Trong chương trình giáo dục mới, giáo dục KHTN với chủ trương tích hợp các môn học Lý, Hóa, Sinh thành một môn học ở THCS và phân hoá sâu thành các môn ở THPT là phù hợp với xu hướng chung trên thế giới. Đây cũng là định hướng đổi mới căn bản, toàn diện chương trình giáo dục phổ thông quốc gia đang được thực hiện.

Tỉnh Thanh Hóa nói riêng cũng như khu vực Bắc Trung Bộ nói chung là địa phương có truyền thống hiếu học lâu đời, là nơi cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao lớn của cả nước. Riêng đối với ngành giáo dục đào tạo, hiện tại Thanh Hóa có đội ngũ khoảng 13.535 giáo viên THCS và 5.803 giáo viên THPT. Trong những năm qua, ngành GD&ĐT Thanh Hóa đã có nhiều cố gắng, nỗ lực thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản của ngành giáo dục, đáp ứng điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần tái cơ cấu hệ thống GD&ĐT theo hướng chất lượng, hiệu quả. Công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có nhiều chuyển biến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục. Chính vì vậy, chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên, chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục được duy trì.

Trong thời gian tới, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, chỉ đạo của ngành, Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT;

đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, trong đó có chương trình dạy học tích hợp ngành Khoa học tự nhiên. Chính vì vậy, việc mở mã ngành đào tạo giáo viên Sư phạm Khoa học tự nhiên là xu hướng tất yếu, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hóa nói riêng cũng như của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên

Trường Đại học Hồng Đức có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đại học Sư phạm Khoa học Tự nhiên.

Về giảng viên giảng dạy các học phần thuộc ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên trình độ đại học, gồm:

- **Giảng viên các ngành Lý, Hóa, Sinh gồm: 1 PGS, 12 tiến sĩ và 09 thạc sĩ** (PGS. TS. Ngô Xuân Lương, TS. Chu Văn Biên, TS. Nguyễn Thị Thảo, TS. Trần Thị Hải, TS. Nguyễn Thị Dung, TS. Trịnh Thị Huấn, TS. Lê Thị Huyền, TS. Lê Đình Chắc, TS. Lê Văn Trọng, TS. Lê Anh Sơn, TS. Đậu Quang Vinh, TS. Hoàng Ngọc Thảo, TS. Đậu Bá Thìn, ThS. Mai Ngọc Anh, ThS. Trịnh Thị Thanh Mai, ThS. Vũ Hồng Nam, ThS. Lê Thị Hoa, ThS. Lê Văn Khỏe, ThS. Hoàng Thị Hương Thủy, ThS. Hà Thị Phương, ThS. Trịnh Thị Hồng, ThS. Hoàng Văn Chính).

- **Giảng viên các ngành có liên quan tham gia giảng dạy các học phần thuộc ngành đăng ký mở mới gồm: 7 tiến sĩ và 3 thạc sĩ** (TS. Mai Thị Quý, TS. Phạm Thế Anh, TS. Lê Thị Hà, TS. Nguyễn Thị Quyết, TS. Trịnh Thị Thơm, TS. Dương Thị Thoan, TS. Mai Xuân Thảo, ThS. Nguyễn Thị Ngân, ThS. Lê Văn Minh, ThS. Nguyễn Xuân Thuần).

- Nhà trường có đội ngũ 50 giảng viên (6 PGS; 14 tiến sĩ; 28 thạc sĩ) tham gia giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán, Tin, Ngoại ngữ, Khoa học xã hội.

- Có 05 kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu đảm bảo đáp ứng yêu cầu hướng dẫn thực hành, thực tập các học phần thuộc chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên.

- Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm KHTN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận
1.	Mai Thị Quý, 1969, Phó Trưởng khoa LLCT-Luật	Tiến sĩ, 2007 Việt Nam	Triết học	- Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN1 - Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN2

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận
2.	Nguyễn Thị Ngân, 1968, Trưởng bộ môn Đường lối, khoa LLCT-Luật	Thạc sĩ, 1998 Việt Nam	Lịch sử đảng	- Đường lối cách mạng của Đảng CSVN
3.	Lê Thị Hà, 1966, GV Trung tâm GDQP	Tiến sĩ, 2015 Việt Nam	Triết học	- Tư tưởng Hồ Chí Minh
4.	Lê Văn Minh, 1977, PTK LLCT-Luật	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Luật dân sự	- Pháp luật đại cương;
5.	Nguyễn Thị Quyết, 1976, Phó Trưởng khoa Ngoại ngữ	Tiến sĩ, 2015 Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	- Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh 2
6.	Trịnh Thị Thơm, 1968, Phó Trưởng khoa Ngoại ngữ	Tiến sĩ, 2014 Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	- Tiếng Anh 3 - Tiếng anh chuyên ngành
7.	Dương Thị Thoan, 1973, Phó Trưởng khoa Tâm lý giáo dục	Tiến sỹ, 2012, Việt Nam	Tâm lý học	- Tâm lý học
8.	Phạm Thế Anh, 1982, Phó Trưởng khoa CNTT & TT	Tiến sĩ, 2013 Pháp	Khoa học máy tính	- Tin học đại cương
9.	Mai Xuân Thảo, 1957 Trưởng bộ môn Toán giải tích, khoa KHTN	Tiến sĩ, Việt Nam	Giải tích và Đại số	- Toán cao cấp
10.	Nguyễn Xuân Thuần, 1958, Phó bộ môn Giải tích, khoa KHTN	Thạc sĩ, 1998 Việt Nam	Giải tích Ngẫu nhiên	- Xác suất- Thống kê
11.	Chu Văn Biên, 1970 Phó bộ môn Vật lý, khoa KHTN	Tiến sĩ, 2016 Việt Nam	Quang học	- Nhập môn KHTN; - Phát triển bài tập vật lý sơ cấp;
12.	Mai Ngọc Anh, 1963 GV khoa KHTN	Thạc sĩ, 1998 Việt Nam	PPGD	- Lý luận dạy học; - Sử dụng phần mềm trong dạy học Lý Hóa Sinh
13.	Nguyễn Thị Thảo, 1977 Trưởng bộ môn Vật lý, khoa KHTN	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	VLLT& VLToán	- Cơ học và nhiệt học; - Vật lý lý thuyết
14.	Trịnh Thị Thanh Mai, 1964; GV khoa KHTN	Thạc sĩ, 1996, Việt Nam	VLLT& VLToán	- Điện từ học; - Cơ học lượng tử

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận
15.	Trần Thị Hải, 1982 P. Trưởng khoa KHTN	Tiến sĩ, 2010, Việt Nam	VLLT& VLToán	- Quang học và hạt nhân nguyên tử
16.	Nguyễn Thị Dung, 1981 Phó bộ môn Vật lý, khoa KHTN	Tiến sĩ, 2016, Ba lan	Vật lý máy tính	- Quang học và hạt nhân nguyên tử; - Vật lý lý thuyết
17.	Ngô Xuân Lương, 1971 Phó trưởng khoa KHTN	PGS; Tiến sĩ, 2009, Việt Nam	Hóa hữu cơ	- Hóa hữu cơ; - Hóa học các hợp chất thiên nhiên
18.	Trịnh Thị Huấn, 1978 Trưởng bộ môn Hóa, khoa KHTN	Tiến sĩ, 2014 Việt Nam	Hóa hữu cơ	- Thực hành PPDH KHTN; - Dạy học tích hợp Lý-Hóa-Sinh.
19.	Vũ Hồng Nam, 1974 GV khoa KHTN	Thạc sĩ, 1998 Việt Nam	Hóa vô cơ	- Hoá vô cơ; - Thực hành hóa học
20.	Lê Thị Hoa, 1982 GV khoa KHTN	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Hóa hữu cơ	- Hóa học các hợp chất thiên nhiên; - Hóa công nghệ
21.	Lê Văn Khỏe, 1982 GV khoa KHTN	Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	Hóa phân tích	- Hóa vô cơ; - Hóa phân tích
22.	Hoàng Thị Hương Thủy, 1977; GV khoa KHTN	Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	Hóa lý	- Hóa lý
23.	Lê Thị Huyền, 1974 Phó bộ môn Động vật	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Lý luận và PPDH	- Lý luận dạy học; - PPDH Khoa học tự nhiên;
24.	Lê Đình Chắc, 1973 Trưởng bộ môn Thực vật	Tiến sĩ, 2013 Việt Nam	Di truyền học	- Nhập môn Khoa học tự nhiên; - Di truyền học.
25.	Lê Văn Trọng, 1985 GV khoa KHTN	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Sinh lý thực vật	- Hóa sinh học
26.	Lê Anh Sơn, 1972 Phó bộ môn Động vật	Tiến sĩ, 2016 Việt Nam	Động vật học	- Lý sinh
27.	Đậu Quang Vinh, 1980 GV khoa KHTN	Tiến sĩ, 2014 Việt Nam	Động vật học	- Khoa học trái đất
28.	Hà Thị Phương, 1976 GV khoa KHTN	Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	Vi sinh vật học	- Tế bào học - Vi sinh học
29.	Hoàng Ngọc Thảo, 1979 GV khoa KHTN	Tiến sĩ, 2011 Việt Nam	Động vật học	- Động vật học

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận
30.	Trịnh Thị Hồng, 1981 GV khoa KHTN	Thạc sĩ, Việt Nam	Động vật học	- Môi trường và con người
31.	Đậu Bá Thìn, 1976 Phó phòng Đào tạo	Tiến sĩ, 2013 Việt Nam	Thực vật học	- Thực vật học
32.	Hoàng Văn Chính, 1974 GV khoa KHTN	Thạc sĩ, 2005 Việt Nam	Sinh thái học	- Sinh thái học

(Danh sách có 1 PGS. TS., 19 Tiến sĩ và 12 Thạc sĩ).

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Mạnh An

- Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ đào ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Năm tốt nghiệp	Phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ các học phần trong chương trình đào tạo Ngành Sư phạm KHTN
1	Lê Nam Dương	CN.	2014	PTH Vật lý	- Cơ học và nhiệt học - Điện từ học - Quang học và hạt nhân nguyên tử
2	Lê Hữu Đoàn	ThS.	2012	PTH Hóa học	- Thực hành hóa học
3	Trịnh Thị Thu	ThS.	2009	PTH Động vật học	- Thực hành PPDH Khoa học tự nhiên - Tế bào học - Động vật học
4	Trịnh Thị Hương	ThS. (NCS)	2011	PTH Thực vật học	- Thực vật học - Di truyền học - Vi sinh học
5	Nguyễn Thị Yến	ThS.	2011	PTH Hóa sinh học	- Hóa sinh học

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình

+ Nhà trường có hệ thống phòng học tiêu chuẩn, được lắp đặt các trang thiết bị trình chiếu, nghe nhìn hiện đại, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Nhà trường có hệ thống phòng thí nghiệm với các thiết bị, máy móc hiện đại, đồng bộ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực hiện các bài thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu khoa học các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên.

Các phòng thí nghiệm trực tiếp phục vụ giảng dạy gồm: Phòng máy, PTH Vật lý, PTH Hóa học (3 phòng), PTH Động vật, PTH Thực vật (2 phòng) và PTN Hóa sinh học.

+ Nhà trường có hệ thống thư viện 4.500m^2, trong đó có 1200m^2 phòng đọc, 200 chỗ ngồi; 120 máy tính phục vụ tra cứu và các loại giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí… đảm bảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên.

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

Số TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	**Số lượng**	**Phục vụ học phần/môn học**
1	Phòng học tiếng Anh (TOEIC)	07	80	- Ti vi - Hệ thống tăng âm - Đài đĩa - Bảng viết	07 07 07 07	- Các học phần tiếng Anh
2	Giảng đường	06	160	- Máy chiếu - Hệ thống tăng âm - Bảng viết	06 01 01	- Các học phần thuộc chương trình đào tạo
3	Phòng thực hành máy tính			- Máy tính - Các thiết bị đi kèm	40 40	- Tin học

- Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành:

Số TT	Tên PTN, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m^2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	**Số lượng**	**Phục vụ môn học /học phần**
1	Phòng máy	30	- Máy tính	50	- Tin học đại cương - Sử dụng phần mềm trong dạy học Lý - Hóa - Sinh.
			- Phụ kiện đi kèm	50	
2	PTH Vật lý	100	- Phòng TN Vật lý đại cương - Cơ học: 1. Bộ dụng cụ đo độ dài và khối lượng 2. Cân phân tích và bình tỷ trọng 3. Bộ khảo sát hệ vật chuyển động tịnh tiến quay 4. Máy Atood 5. Bộ xác định vận tốc truyền âm trong không khí 6. Con lắc thuận nghịch	12 bộ	- Cơ học và nhiệt học
	PTH Vật lý		- Phòng TN Vật lý đại cương - Nhiệt học:	12 bộ	- Cơ học và nhiệt học
			1. Bộ khảo sát hiện tượng nội ma sát. Xác định hệ số nhớt của chất lỏng theo phương pháp stokes		
			2. Bộ khảo sát các quá trình cân bằng nhiệt động. Xác định tỷ số nhiệt dung phân tử Cp/Cv của chất khí.		

			3. Bộ khảo sát quá trình trao đổi nhiệt.		
			4. Khảo sát quá trình chuyển pha loại I. Xác định nhiệt độ chuyển pha của thiếc kim loại		
			5. Khảo sát chuyển pha loại I của nước		
			6. Khảo sát hiện tượng nhiệt điện lẫy mẫu nhiệt kế cặp nhiệt kim loại		
	PTH Vật lý		- Phòng TN Vật lý đại cương - Điện học: 1. Làm quen với dụng cụ đo điện 2. Các phương pháp đo điện trở 3. Đo điện trở bằng mạch cầu Wheastone. Đo suất điện động bằng mạch xung đối 4. Khảo sát đặc tính của điode và transistor 5. Khảo sát mạch cộng hưởng RLC dùng dao động ký điện tử hai kênh và máy phát tín hiệu xoay chiều 6. Khảo sát hiện tượng cảm ứng điện từ. Nguyên lý máy biến áp 7. Khảo sát dao động ký điện tử hai kênh	14 bộ	- Điện từ học
	PTH Vật lý		- Phòng TN Vật lý đại cương - Quang học: 1. Khảo sát giao thoa khe Young 2. Khảo sát giao thoa hệ vân tròn Newton 3. Khảo sát hiện tượng phân cực ánh sáng 4. Xác định chiết suất của bản thủy tinh bằng kính hiển vi 5. Khảo sát hiện tượng bức xạ nhiệt. Nghiệm lại định luật Stefan – boltzman 6. Khảo sát hiện tượng quang điện ngoài 7. Khảo sát chuyển động của electron trong điện trường và từ trường. Xác định tỷ số e/m của electron 8. Pin quang điện	16 bộ	- Quang học và hạt nhân nguyên tử
3	PTH Hóa học	3 phòng, 240m^2	Máy khuấy từ ra nhiệt Model: C-MAG HS7	7	- Hóa đại cương - Hoá vô cơ - Hóa hữu cơ - Thực hành hóa học - Hoá học các hợp chất thiên nhiên - Hoá công nghệ
			Máy so màu Model: UV 2550	1	
			Phân cực kế cầm tay Model: Polaris	1	
			Đồng hồ bấm giây	5	
			Máy đo độ dẫn của dung dịch Model: HI 8733	2	
			Máy đo pH và hiệu điện thế Model: HI	2	

			98150		- Hóa phân tích
			Tủ sấy Model: EC55	1	
			Lò nung Model: SRJX – 8- 13	1	
			Cân phân tích Model: PA214	2	
			Máy cất nước hai lần Model: A4000D	1	
			Cân kỹ thuật Model: PA1520	1	
			Kính hiển vi 2 mắt Model: PrimeStar	2	
			Máy li tâm Model: EBA 20	2	
			Tủ hút khí độc	2	
			Thiết bị sắc kí trao đổi ion	2	
			Sắc ký bản mỏng	1	
			Khúc xạ kế Model: FA 6000	1	
			Máy quang phổ phát xạ ngọn lửa Model: AFP 100	1	
			Bếp cách thủy Model: NB – 301L	2	
			Tủ lạnh Model: SR – 19JN	1	
			Bếp đun cách cát Model: “Combiplac-Sand	1	
			Bếp điện	1	
			Máy đo nhiệt độ nóng chảy	1	
			Đèn soi tử ngoại	1	
4	PTH Động vật		Máy chiếu Sharp 312 XR-32X-L	01	- Động vật học
			Tủ ấm model:Incocell 55 (IC 55)	01	
			Tủ sấy model: : Ecocell 55 (EC 55)	01	
			Kính lúp phi 9	10	
			Kính hiển vi soi nổi điện 2 mắt	01	
			Kính hiển vi các loại 1 mắt học sinh	07	
			Kính hiển vi soi nổi - Model DV4	05	
			Máy đo pH-Model: HI 98150	01	
			Máy ly tâm-Model: EBA-20	01	
			Buồng đếm hồng cầu-Model: 36219-00	05	
			Huyết sắc kế Saly	05	
			Tủ lạnh-Model SR-19JN	01	
5	PTH Thực vật	2 phòng, tổng diện tích 60m^2	Nồi hấp 91	01	Thực vật học
			Bộ chưng cất đạm	01	
			Tủ sấy MENRMERT UM 400	01	
			Máy cất nước hai lần-Model: A 4000 D	01	
			Tủ sấy-Model: Ecocell 55 (EC 55)	01	
			Tủ ấm-Model:Incocell 55 (IC 55)	01	
			Bộ rây cho mẫu TV, đất TQ	01	
			Máy nghiền mẫu TV	01	
			Máy đo độ ẩm cầm tay-Model: EA25	02	
			Máy đo DO-Model: HI 9146-04	01	
			Nồi hấp tiệt trùng-Model: KT-30L	01	
			Kính hiển vi 2 mắt-Model: PrimoStar	05	
			Máy so mầu-Model: UVD 2550	01	
			Kính hiển vi chụp ảnh-Model:	01	

			PrimoStar		
			Máy so màu để phân tích nước-Mod: AL450	01	
			Kính hiển vi soi nổi-Model: DV4	01	
			Kính hiển vi Olympus 2 mắt	05	
			Máy đo pH-Mod: HI 98150	01	
			Máy đo độ đục-Mod: HI 93703	01	
			Buồng nuôi cấy VSV-Mod: LVC-3A1	01	
			Máy đếm khuẩn lạc	01	
			Cân kỹ thuật-Mod: PA 1502	01	
			Cân phân tích-Mod: PA 214	01	
6	PTH Hóa sinh học		Bộ máy siêu li tâm Ratanta 460R	1	- Hóa sinh học
			Bộ chụp ảnh cho tấm sắc kí mỏng	1	
			Máy so màu Eliza ELX800	1	
			Tủ lạnh sâu LDF270xPro	1	
			Bể ổn nhiệt WNB7	1	
			Máy votex VORTEX3	1	
			Lò vi sóng Panasonic	1	
			Hệ thống lọc nước siêu sạch	1	
			Bể TLC	2	
			Tủ an toàn sinh học cấp II AC2-4E8	1	
			Máy rửa dụng cụ thủy tinh phòng thí nghiệm 4400421	1	
			Cân điện tử MS204S	1	
			Máy khuấy từ gia nhiệt nhiều vị trí AM4	1	
			Máy đo nồng độ pH điện tử H12214-02	1	
			Tủ hút khí độc HD2010M	1	
			Máy chưng cất đạm VAP300	1	
			Máy lắc ngangS12	1	
			Bộ chưng cất lôi cuốn hơi nước	1	
			Bộ đun hồi lưu có tách nước KOL	1	
			Bộ cột sắc kí	1	
			Bộ pipete bao gồm các dung tích từ 0.5ml-5ml	1	
			Điều hòa nhiệt độ Sumikura	1	
			Máy hút ẩm Harison HD-45B	1	
			Hệ thống nước làm lạnh chu kỳ kín Kangaroo KG48	1	
			Máy vi tính để bàn Lenovo	1	
			Máy in phun màu Epson L300	1	
			Máy Scanner HP8270	1	
			Máy chiếu Sony VPL-EX295	1	

- Danh mục giáo trình đào tạo ngành Sư phạm KHTN:

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	BGD & ĐT	C.trị QG	2009	20	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin 1
2.	Giáo trình triết học Mác-Lênin	BGD & ĐT	C.trị QG	2007	20	
3.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	BGD & ĐT	C.trị QG	2009	20	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin 2
4.	Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin	BGD & ĐT	C.trị QG	2008	20	
5.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	BGD & ĐT	C.trị QG	2006	20	
6.	Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN	BGD & ĐT	C.trị QG	2009	20	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
7.	Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN	BGD & ĐT	C.trị QG	2006	20	
8.	Giáo trình Tư tưởng HCM	BGD & ĐT	C.trị QG	2009	20	Tư tưởng Hồ Chí Minh
9.	Giáo trình Tư tưởng HCM	Hội đồng Trung ương	C.trị QG	2006	20	
10.	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm	CAND	2008	10	Pháp luật đại cương
11.	Giáo trình pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	C.trị QG	2009	12	
12.	Starter TOEIC (third edition)	Anne Taylor, Casev Malarcher	NXB trẻ	2007	6	Tiếng anh 1
13.	English KnowHow 3	A. Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin	Oxford Uni. Press.	2006	6	Tiếng anh 2
14.	English KnowHow 3 (Units 7-12)	A. Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin	Oxford Uni. Press	2006	6	Tiếng anh 3
15.	Giáo trình tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương	ĐHSP	2010	20	Tin học
16.	Giáo trình tin học văn phòng	Bùi Thế Tâm	Giao thông vận tải	2010	25	
17.	Toán cao cấp tập 1	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2009	25	Toán cao cấp
18.	Đại số tuyến tính và hình học giải tích	Nguyễn Quốc Anh	ĐHQG HN	2009	10	

19.	Bài tập đại số tuyến tính và hình học giải tích	Nguyễn Quốc Anh	ĐHQGH N	2008	10	
20.	Toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2009	11	
21.	Bài tập toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2009	11	
22.	Toán cao cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2009	11	
23.	Bài tập toán cao cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2009	11	
24.	Lý thuyết xác suất & thống kê toán học	Phạm Văn Kiều	GDHN	2010	22	Xác suất thống kê
25.	Lý thuyết xác suất & thống kê toán học	Trần Lộc Hùng	GDHN	2008	20	
26.	Xác suất – Thống kê	Nguyễn Văn Hộ	Giáo dục	2010	25	
27.	Bài tập xác suất và thống kê toán học	Đặng Hùng Thắng	ĐHQGH N	2010	11	
28.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	2000	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam
29.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (chủ biên)	Giáo dục	2001	10	
30.	Con người và Môi trường	Lê Thanh Vân	ĐHSP Hà Nội	2004	10	Môi trường & con người
31.	Phương pháp luận NCKH	Vũ Cao Đàm	KH&KT	2008	10	PPNC Khoa học ngành KHTN
32.	Phương pháp luận NCKH	Phạm Viết Vượng	ĐHQG Hà Nội	2010	10	
33.	Logic học	Vương Tấn Đạt	Giáo dục Hà Nội	2001	10	
34.	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức (chủ biên)	ĐHSP	2008	10	Tâm lý học
35.	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Nguyễn Kế Hào (chủ biên)	ĐHSP	2005	10	
36.	Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2	Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)	ĐHSP	2006	10	Giáo dục học
37.	Giáo dục học đại cương. Tập 1,2	Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	1997	10	
38.	Đánh giá trong giáo dục	Trần Bá Hoành	Giáo dục	1997	10	
39.	Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	ĐHQG	2008	10	
40.	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo.	Phạm Viết Vượng (chủ biên)	ĐHSP	2006	10	Quản lý HCNN và QLGD
41.	Sinh học Đại cương: Tế bào học, Di truyền học và học thuyết tiến hóa	Phạm Thành Hổ	ĐHQG TP HCM	2002	10	Nhập môn Khoa học tự nhiên
42.	Nhập môn Công nghệ sinh học	Phạm Thành Hổ	Giáo dục	2006	10	
43.	Cơ sở Địa lý tự nhiên	Nguyễn Vi Dân,	ĐHQG	2005	10	Khoa học trái đất

		Nguyễn Cao Huân, Trương Quang Hải	Hà Nội			và sự sống
44.	Giáo trình Khoa học Trái đất	Lưu Đức Hải, Trần Nghi	Giáo dục, Hà Nội	2009	10	
45.	Sinh học đại cương	Nguyễn Như Hiền	ĐHQG Hà Nội	2005	10	
46.	Hóa sinh học	Phạm Thị Trân Châu; Trần Thị Áng	Giáo dục	2005	10	Hóa sinh học
47.	Thực hành Hoá sinh học	Phạm Thị Trân Châu; Nguyễn Thị Huyền; Phùng Gia Tường	Giáo dục	1996	10	
48.	Hoá sinh học	Nguyễn Thị Hiền; Vũ Thị Thư	ĐHSP HN	2004	10	
49.	Giáo trình sinh hoá hiện đại	Nguyễn Tiến Thắng; Nguyễn Đình Huyên	Giáo dục	1998	10	
50.	Thực hành Hóa sinh học	Phạm Thị Trân Châu; Nguyễn Thị Hiền; Phùng Gia Tường	Giáo dục	1997	10	
51.	Lí sinh học	Nguyễn Thị Kim Ngân và Nguyễn Văn An	ĐHSP Hà Nội	2004	10	Lý sinh
52.	Lý sinh học (*phần thực hành*)	Nguyễn Thị Quỳ	KH&KT	2002	10	
53.	Lý sinh học	Nguyễn Thị Kim Ngân	ĐHQG Hà Nội	2001	10	
54.	Lí luận dạy học	Phạm Hoàng Hộ	Giáo dục	2002	10	Lý luận dạy học
55.	Đại cương phương pháp dạy học sinh học	Trần Bá Hoành – Trịnh Nguyên Giao	Giáo dục	2007	10	
56.	Lí luận dạy học vật lí ở trường phổ thông	Phạm Hữu Tòng	ĐHSP HN	2005	10	
57.	Teaching Tips for College and University Instructors	David Roy	Stanley Thornes	2001	10	
58.	Teaching today	Geoffrey Petty	Allyn and Bacon	2002	10	
59.	A Handbook for Teachers in College and University	Robert Cannon & David Newble	British Library Catalogu ing in	2002	10	

			Pub. Data			
60.	Phương pháp dạy học Vật lí ở trường phổ thông	Nguyễn Đức Thâm, Nguyễn Ngọc Hưng, Phạm Xuân Quế	ĐHSP HN	2003	10	PPDH Khoa học tự nhiên Thực hành PPDH Khoa học tự nhiên
61.	Phương pháp dạy học hóa học, tập 1 và 2	Nguyễn Cương, Nguyễn Mạnh Dung, Nguyễn Thị Sửu	Giáo dục, Hà Nội	2000	10	
62.	Phương pháp dạy học Hóa học	Nguyễn Cương	Giáo dục	2001	10	
63.	Đại cương phương pháp dạy học sinh học	Trần Bá Hoành – Trịnh Nguyên Giao	Giáo dục Hà Nội	2007	10	
64.	Dạy học Sinh học ở trường THPT (Tập 1,2)	Nguyễn Đức Thành (chủ biên)	Giáo dục	2004	10	
65.	Giáo trình Cơ học	Hoàng Quý, Nguyễn Hữu Mình, Đào Văn Phúc	Giáo dục	1979	10	Cơ học và nhiệt học
66.	Giáo trình cơ học	Nguyễn Hữu Mình	Giáo dục	2001	10	
67.	Giáo trình Vật lí đại cương tập 1	Lương Duyên Bình	Giáo dục	1997	10	
68.	Bài tập vật lí đại cương tập 1	Vũ Thanh Khiết	Giáo dục	2000	10	
69.	Vật lý phân tử và nhiệt học	Lê Văn	Giáo dục	1978	10	
70.	Vật lý phân tử và nhiệt học	Bùi Trong Tuân	Giáo dục	1999	10	
71.	Vật lý đại cương, Tập 2(1a). Bài tập Vật lý đại cương, Tập 2 (1b)	Lương Duyên Bình	Giáo dục	1997	10	Điện từ học
72.	Điện học	Vũ Thanh Khiết	Giáo dục	2001	10	
73.	Giáo trình Vật lý đại cương	Nguyễn Văn Ánh	ĐHSP	2003	10	
74.	Vật lý đại cương, Tập 2	Nguyễn Ngọc Long	ĐHQG Hà Nội	2001	10	
75.	Quang học	Đặng Thị Mai	Giáo dục	2001	10	Quang học hạt nhân và nguyên tử
76.	Quang học	Vũ Thanh Khiết	Giáo dục	2001	10	
77.	Vật lý đại cương tập 3, Phần một	Lương Duyên Bình (chủ biên)	Giáo dục	1997	10	
78.	Bài tập vật lý đại cương tập 3, phần 2	Lương Duyên Bình (chủ biên)	Giáo dục	1997	10	
79.	Vật lý đại cương, Tập	Lương Duyên	Giáo dục	1997	10	

	2(1a). Bài tập Vật lý đại cương, Tập2(1b)	Bình				
80.	Giáo trình Vật lý đại cương	Nguyễn Văn Ánh	ĐHSP	2003	10	
81.	Vật lý đại cương, Tập 2	Nguyễn Ngọc Long	ĐHQG Hà Nội	2001	10	
82.	Giáo trình Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Phạm Duy Hiển	Giáo dục	1994	10	
83.	Bài tập Vật lý đại cương tập 2	Vũ Thanh Khiết (chủ biên)	Giáo dục	2000	10	
84.	Cơ học lý thuyết.	Nguyễn Hữu Mình.	ĐHQG Hà Nội	1997.	10	Vật lý lý thuyết
85.	Cơ học lượng tử	Đỗ Đình Thanh, Phạm Quý Tư	ĐHQG Hà Nội	1998	10	
86.	Điện động lực	Đào Văn Phúc	Giáo dục	2001	20	
87.	Vật lý thống kê	Vũ Thanh Khiết	ĐHQG Hà Nội	1997	20	
88.	Bài tập lý vật lý thuyết.	Nguyễn Hữu Mình , Tạ Duy Lợi, Đỗ Đình Thanh. Lê Trọng Tường.	ĐHQG Hà Nội	1996	20	
89.	Giáo trình Vật lý lý thuyết, tập 1	Kompanheetx	Mir	1981	10	
90.	Giáo trình Vật lý lý thuyết, tập 2	Kompanheetx	Mir	1981	10	
91.	Hóa học đại cương tập 1&2	Trần Thành Huế	Giáo dục	2008	10	Hóa học đại cương
92.	Bài tập hóa học đại cương	Đào Đình Thức	Giáo dục	1999	10	
93.	Hoá học Đại cương Tập hai	Trần Hiệp Hải, Vũ Ngọc Ban, Trần Thành Huế	ĐHSP	2004	10	
94.	Hoá vô vơ (Tập I)	Hoàng Nhâm	Giáo dục	2005	10	
95.	Hoá học vô cơ tập 2	Nguyễn Thế Ngôn	ĐHSP	2004	10	Hoá vô cơ
96.	Hoá học vô cơ tập 2	Hoàng Nhâm	Giáo dục	2003	10	
97.	Bài tập hoá học vô cơ	Nguyễn Thế Ngôn, Trần Thị Đà	ĐH sư phạm	2007	10	
98.	Bài tập hóa học vô cơ	Nguyễn Đức Vận	Giáo dục	1983	10	
99.	Cơ sở hóa học vô cơ	F. Cotton (TL dịch)	Giáo dục Hà Nội	1983	10	
100.	Hóa Hữu cơ 1	Nguyễn Hữu Đĩnh, Đỗ Đình	Giáo dục	2005	10	Hóa hữu cơ

		Răng				
101.	Hóa học hữu cơ 2	Đỗ Đình Răng	Giáo dục	2005	10	
102.	Bài tập hoá hữu cơ	Nguyễn Hữu Đĩnh	Giáo dục	2008	10	
103.	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	Thái Doãn Tĩnh	KH&KT	2001	10	
104.	Organic Chemistry	Francis A. Carey	McGraw-Hill Higher Education, USA	2001	10	
105.	Bài giảng thực hành hoá Đại cương	bộ môn hoá vô cơ	ĐHQG Hà Nội	1996	10	Thực hành hóa học
106.	Thực hành hoá học vô cơ	Nguyễn Thế Ngôn	ĐHSP	2005	10	
107.	Thực hành hóa học hữu cơ	Lê Thị Anh Đào (chủ biên)	ĐHSP Hà Nội	2007	10	
108.	Bài tập hoá hữu cơ	Nguyễn Văn Tòng	ĐHQG	1999	10	
109.	Thực hành hóa học	Hoàng Thị Hương Thủy, Vũ Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Vinh	Thanh Hóa	2016	10	
110.	Giáo trình thực tập Hoá đại cương	Bộ môn hoá vô cơ	ĐHQG Hà Nội	1995	10	
111.	Giáo trình các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học	Phan Quốc Kinh	Giáo dục	2011	10	Hóa học các hợp chất thiên nhiên
112.	Hợp chất thiên nhiên dùng làm thuốc	Nguyễn Văn Đàn, Ngô Ngọc Khuyến	Y học	1999	10	
113.	Giáo trình cơ sở hóa hữu cơ tập 3	Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liếu, Nguyễn Văn Tòng	ĐHSP	2007	10	
114.	Hóa lý tập 1,2,3,4	Trần Văn Nhân, Nguyễn Thạc Sửu, Nguyễn Văn Tuế	Giáo dục	2001	10	Hóa lý
115.	Giáo Trình Hóa lý T1,2,3	Nguyễn Đình Huề	Giáo dục	2000	10	
116.	Bài tập Hóa lý	Nguyễn Văn Duệ, Trần Hiệp Hải	Giáo dục	2000	10	
117.	Giáo trình Hóa học môi trường	Đặng Đình Bạch, Nguyễn Văn Hải	KH&KT	2006	10	Hóa công nghệ

118.	Cơ sở hóa học môi trường	Phùng Tiến Đạt, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Văn Nội	ĐHSP Hà Nội	2005	10	
119.	Độc học môi trường cơ bản	Lê Huy Bá	ĐHQG TP HCM	2008	10	
120.	Hoá công nghệ và môi trường	Trần Thị Bính, Phùng Tiến Đạt, Lê Viết Phùng, Phạm Văn Thưởng	Giáo dục	2001	10	
121.	Hoá học phân tích. Cân bằng ion trong dung dịch	Nguyễn Tinh Dung	Đại học sư phạm	2005	10	Hóa phân tích
122.	Bài tập Hoá học phân tích	Nguyễn Tinh Dung	Đại học sư phạm	2005	10	
123.	Hoá học phân tích. Phần III. Các phương pháp định lượng hoá học.	Nguyễn Tinh Dung	Giáo dục Hà nội -	2002	10	
124.	Tế bào học (tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa bổ sung).	Thái Duy Ninh	Giáo dục	2006	10	Tế bào học
125.	Tế bào học	Nguyễn Như - Hiền và CS	ĐHQG Hà Nội	1998	10	
126.	Thực hành tế bào học	Thái Duy Ninh	Giáo dục	2002	10	
127.	Động vật học không xương sống	Thái Trần Bái, Nguyễn Văn Khang	Giáo dục	2001	10	Động vật học
128.	Động vật học không xương sống	Thái Trần Bái, Nguyễn Văn Khang	ĐH Sư phạm	2005	10	
129.	Thực hành động vật không xương sống	Đỗ Văn Nhượng	ĐH Sư phạm	2004	10	
130.	Động vật có xương sống	Trần Kiên, Trần Hồng Việt	Giáo dục	2005	10	
131.	Động vật học có xương sống	Trần Kiên, Trần Hồng Việt	ĐHSP	2013	10	
132.	Giáo trình Sinh thái học ĐVCXS ở cạn	Lê Vũ Khôi, Hoàng Trung Thành	GDVN	2011	10	
133.	Thực hành động vật có xương sống	Trần Hồng Việt, Nguyễn Hữu Dực, Lê Nguyên Ngật	ĐH Sư phạm	2004	10	
134.	Động vật có xương sống	Trần Kiên, Nguyễn Thái Tự	Giáo dục	1992	10	
135.	Giáo trình Động vật có xương sống	Hoàng Ngọc Thảo, Cao Tiến	ĐH Vinh	2016	10	

		Trung				
136.	Hình thái - Giải phẫu học Thực vật	Hoàng Thị Sản (CB)	ĐHSP	2006	10	Thực vật học
137.	Hình thái học thực vật	Nguyễn Bá	GD HN	2006	10	
138.	Giải phẫu hình thái học thực vật	Trần Văn Ba, Hoàng Thị Sản	GD HN	1998	10	
139.	Giải phẫu thực vật, Tập 1,2	Katherine Esau (sách dịch)	KHKT	1979	10	
140.	Phân loại học thực vật	Hoàng Thị Sản (chủ biên)	ĐHSP HN	2005	10	
141.	Thực hành phân loại thực vật	Hoàng Thị Sản	GD HN	2000	10	
142.	Sinh thái học	Đỗ Văn Nhượng	Giáo dục	2013	10	Sinh thái học
143.	Sinh thái học đại cương	Trần Kiên, Phan Nguyên Hồng	Giáo dục	2008	10	
144.	Hệ sinh thái rừng nhiệt đới	Nguyễn Nghĩa Thìn	ĐHQG Hà Nội	2004	10	
145.	Sinh thái học các hệ cửa sông Việt Nam	Vũ Trung Tạng	GDVN	2009	10	
146.	Sinh thái cơ sở	Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Kiều Băng Tâm	ĐHQG Hà Nội	2014	10	
147.	Giáo trình di truyền học	Chu Hoàng Mậu	ĐH TN	2006	10	Di truyền học
148.	Sinh học 2 tập	Philip & Chilton	GD HN	2000	10	
149.	Cơ sở sinh học Vi sinh vật	Nguyễn Thành Đạt	GD HN	2001	10	Vi sinh học
150.	Vi sinh vật học	Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Đình Quyến, Phạm Văn Ty	GD HN	2000	10	
151.	GT Vi sinh vật học công nghiệp	Kiều Hữu Ảnh	KH&KT	1999	10	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

- Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1.	Tạp chí Khoa học Công nghệ	Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên	NXB Thái Nguyên	5	- Môi trường và con người - Sinh thái học
2.	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và môi trường	Trường ĐH Tài nguyên và môi trường	NXB KH&CN	5	- Môi trường và con người - Sinh thái học
3.	Tạp chí Khoa học	Trường ĐH Vinh	NXB ĐH Vinh	5	- Môi trường và con người - Sinh thái học - Động vật học - Thực vật học - Cơ học và nhiệt học - Điện từ học - Quang học - Hóa đại cương - Hoá vô cơ - Hoá hữu cơ
4.	Tạp chí Khoa học	Trường ĐH Hồng Đức	NXB Thanh Hóa	5	- Môi trường và con người - Sinh thái học - Động vật học - Thực vật học - Cơ học và nhiệt học - Điện từ học - Quang học - Hóa đại cương - Hoá vô cơ - Hoá hữu cơ
5.	Tạp chí Khoa học va Công nghệ nông nghiệp	Trường ĐH Nông Lâm Huế	NXB Huế	5	- Môi trường và con người - Sinh thái học
6.	Tạp chí môi trường	Tổng cục môi trường		5	- Môi trường và con người - Sinh thái học
7.	Tạp chí tài nguyên và môi trường	Bộ Tài nguyên và môi trường		5	- Môi trường và con người

					- Sinh thái học
8.	Tạp chí Dạy và học ngày nay	Trung tâm phát triển GD và Truyền thông		5	- Lý luận dạy học - PPDH khoa học tự nhiên
9.	Tạp chí thiết bị Giáo dục	Hiệp hội thiết bị giáo dục Việt Nam		5	- Lý luận dạy học - PPDH khoa học tự nhiên
10.	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics	ĐHQG Hà Nội	NXB ĐHQG Hà Nội	5	- Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Cơ học và nhiệt học - Điện từ học - Quang học - Vật lý lý thuyết
11.	Tạp chí sinh học	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ	5	- Sinh thái học - Động vật hoc - Thực vật học - Di truyền học - Vi sinh học
12.	Tạp chí dược liệu	Viện Dược liệu		5	- Hóa đại cương - Hóa vô cơ, - Hóa hữu cơ - Hóa học các hợp chất thiên nhiên - Hóa lý - Hóa công nghệ - Hóa phân tích
13.	Một số chuyên đề về những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin	ĐHQGHN	Lý luận Chính trị, 2008	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin 2
14.	Văn kiện Đảng toàn tập	Đảng Cộng Sản Việt Nam	C.trị QG, 2005	5	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
15.	Văn hoá học đại cương và Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (chủ biên)	KHXH, 1996	5	Cơ sở văn hóa Việt Nam
16.	Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	TPHCM, 1997	5	

17.	Bài tập thực hành tâm lý học	Trần Trọng Thủy (chủ biên)	ĐHQG Hà Nội, 2002	5	Tâm lý học
18.	Tâm lý học đại cương,	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2006	5	
19.	Bài tập Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	ĐHQG Hà Nội, 2008	5	Giáo dục học
20.	Tình huống dạy học môn GDH	Đỗ Thế Hưng	Đại học Sư phạm, 2007	5	
21.	Luật giáo dục		2005	5	Giáo dục học Quản lý HCNN và QLGD
22.	Luật giáo dục		2010	5	
23.	Luật Cán bộ, công chức. Số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008.		2008	5	Quản lý HCNN và QLGD
24.	Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 BCHTW khóa VIII		Chính trị quốc gia, 1997	5	
25.	Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020. Ban hành kèm theo quyết định 711/TTg ngày 13/6/2012.	TTCP	2012	5	
26.	Điều lệ trường mầm non (2015), (Ban hành kèm theoVăn bản hợp nhất 04/VBHN-BGDĐT).	BGDĐT	2015	5	
27.	Điều lệ trường tiểu học 2017	BGDĐT	2017	5	
28.	Điều lệ trường THCS, THPT (Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011 của Bộ trưởng BGDĐT)	BGDĐT	2011	5	
29.	Khoa học môi trường	Lê Văn Khoa	Giáo dục, 2001	5	Môi trường & con người
30.	Dân số, môi trường, tài nguyên	Lê Thông	Giáo dục, 2001	5	
31.	Sinh thái học và môi trường	Trần Kiên	Giáo dục, 1999	5	
32.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lê Phước Lộc	ĐH Cần Thơ, 2006	5	PPNC Khoa học ngành KHTN

33.	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	G.I. Ruzavin	KH&KT, 1998	5	
34.	Tổ chức và phương pháp công tác NCKH	Prikhodko	KH&KT, 1985	5	
35.	Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường	Phan Trọng Ngọ	ĐHSP Tp.HCM, 2005	5	Lý luận dạy học
36.	Lí luận dạy học hiện đại (Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học)	Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường	ĐHSP Hà Nội, 2006	5	
37.	Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới	Thái Duy Tuyên	GD Việt Nam, 2010	5	
38.	Quá trình dạy - tự học	Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên)	Giáo dục Hà Nội, 1997	5	
39.	Học và dạy cách học	Nguyễn Cảnh Toàn	ĐHSP, Hà Nội 2002	5	
40.	Lí luận dạy học hiện đại (Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học)	Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường	ĐHSP Hà Nội, 2016	5	PPDH Khoa học tự nhiên Thực hành PPDH Khoa học tự nhiên
41.	Tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh trong dạy học Vật lí ở trường phổ thông	Nguyễn Đức Thâm, Nguyễn Ngọc Hưng	ĐHSP HN, 2003	5	
42.	Lí luận dạy học hiện đại (Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học)	Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường	ĐHSP Hà Nội, 2016	5	PPDH Khoa học tự nhiên Thực hành PPDH Khoa học tự nhiên Dạy học tích hợp Lý, Hóa, Sinh
43.	Dạy và học tích cực (Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học).	Sách dự án Việt-Bỉ		5	
44.	Tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh trong dạy học Vật lí ở trường phổ thông	Nguyễn Đức Thâm, Nguyễn Ngọc Hưng	ĐHSP HN, 2003	5	
45.	Dạy và học tích cực (Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học).	Sách dự án Việt-Bỉ		5	
46.	Tài liệu học tập về phương pháp dạy học	Nguyễn Văn Tuấn (chuyên đề bồi	ĐHSP kỹ thuật	5	Dạy học tích hợp Lý, Hóa,

	theo hướng tích hợp.	dưỡng sư phạm)	TPHCM, 2010		Sinh
47.	Hóa sinh học các chất phân tử lớn trong hệ thống sống	Phạm Thị Trân Châu; Đỗ Ngọc Liên; Nguyễn Huỳnh Minh Quyên	Giáo dục, 2010	5	Hóa sinh học
48.	Lý sinh Y học	Phan Sỹ An, Nguyễn Văn Thiện, Đoàn Giáng Hương	Y học, Hà Nội, 1998	5	Lý sinh
49.	Lý sinh	Nguyễn Đức, Nguyễn Vĩnh Châu	Nông nghiệp, 1993	5	
50.	Molecular cell biology, 4th ed.	Lodish H. et al	Freeman company, 2000	5	
51.	Bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí Trung học phổ thông, tập 1	Vũ Thanh Khiết, Nguyễn Thế Khôi	Giáo dục, 2009	5	Phát triển bài tập vật lý sơ cấp
52.	Bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí Trung học phổ thông, tập 2	Vũ Thanh Khiết, Nguyễn Thế Khôi	Giáo dục, 2009	5	Phát triển bài tập vật lý sơ cấp
53.	Bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí Trung học phổ thông, tập 3	Vũ Thanh Khiết, Nguyễn Thế Khôi	Giáo dục, 2009	5	
54.	Bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí Trung học phổ thông, tập 4	Vũ Thanh Khiết, Nguyễn Thế Khôi	Giáo dục, 2009	5	
55.	Bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí Trung học phổ thông, tập 5	Vũ Thanh Khiết, Nguyễn Thế Khôi	Giáo dục, 2009	5	
56.	Bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí Trung học phổ thông, tập 6	Vũ Thanh Khiết, Nguyễn Thế Khôi	Giáo dục, 2009	5	
57.	Tài liệu giáo khoa chuyên Vật lí 10	Dương Trọng Bái	Giáo dục, 2000	5	
58.	Tài liệu giáo khoa chuyên Vật lí 11	Dương Trọng Bái	Giáo dục, 2000	5	
59.	Tài liệu giáo khoa chuyên Vật lí 12	Dương Trọng Bái	Giáo dục, 2000	5	
60.	Các đề thi học sinh giỏi Vật lí	Vũ Thanh Khiết	Giáo dục, 2015	5	
61.	Cơ sở vật lý, Tập2,3,4,5,	David Halliday	Giáo dục,	5	Điện từ học

	6		1998		
62.	Physique générale (Electricity et Magnytisme)	Douglas C. Giancoli	De Boeck Uni., 1992	5	
63.	Physique générale (Electricity et Magnytisme)	Douglas C. Giancoli	De Boeck Uni., 1992	5	Quang học hạt nhân và nguyên tử
64.	Cơ sở vật lý, Tập 2,3,4,5, 6	David Halliday	Giáo dục, 1999	5	
65.	Cơ sở vật lý tập 5, 6	D. Halliday, R.Resmick & J. Walker	Giáo dục, 1998	5	
66.	Cơ sở lý thuyết các phản ứng hoá học	Trần Thị Đà, Đặng Trần Phách	Giáo dục, 2004	5	Hóa học đại cương
67.	Hóa đại cương Tập 2,3	Rene Didier (TL dịch)	Giáo dục, 1998	5	
68.	Drug Discovery and Therapeutic Medicine	Natural Products	Humana Press Inc, 2005	5	Hóa học các hợp chất thiên nhiên
69.	Chemistry for Pharmacy Students	Satyajit D. Sarker, Lutfun Nahar	John Wiley & Sons, England , 2007	5	
70.	Organic Chemistry	Clayden, N. Greeves, S. Warren and P. Wothers	Oxford Universit y Press, 2000	5	
71.	Hóa lý và hóa keo	Nguyễn Hữu Phú	KH-KT, 2002	5	Hóa lý
72.	Nhiệt Động học	Nguyễn Văn Duệ	Giáo dục, 1989	5	
73.	Nhiệt Động học	Nguyễn Văn Duệ	Giáo dục, 2000	5	
74.	Hóa học môi trường	Đặng Kim Chi	KH&KT, 2001	5	Hóa công nghệ
75.	Hoá kỹ thuật đại cương	Phùng Tiến Đạt, Trần Thị Bính	ĐHSP HN, 2005	5	
76.	Môi trường và ô nhiễm	Lê Văn Khoa	Giáo dục, 1995	5	
77.	Sinh học tế bào	Hoàng Đức Cự	ĐHQG	5	Tế bào học

			Hà Nội, 2007		
78.	Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật Hạt kín ở Việt Nam	Nguyễn Tiến Bân	NN HN, 1997	5	Thực vật học
79.	Tảo học	Võ Hành	KHKT HN, 2007	5	
80.	Cây cỏ Việt Nam (3 tập)	Phạm Hoàng Hộ	Trẻ TPHCM, 2000	5	
81.	Các phương pháp nghiên cứu thực vật	Nguyễn Nghĩa Thìn	ĐHQG HN, 2008	5	
82.	Sinh thái học và môi trường	Trần Kiên	Giáo dục, 2008	5	Sinh thái học
83.	Di truyền học	Phạm Thành Hổ	GD, HN, 2002	5	Di truyền học
84.	Di truyền học	Vũ Đức Lưu	ĐHSP HN, 2007	5	
85.	Sinh học phân tử	Hồ Huỳnh Thùy Dương	GDHN, 2001	5	
86.	Công nghệ vi sinh vật	Lương Đức Phẩm	NN HN, 1993	5	Vi sinh học
87.	Virut học	Nguyễn Thị Chính, Ngô Tiến Hiển	ĐHQG HN, 2001	5	
88.	Vi sinh vật học nông nghiệp	Nguyễn Xuân Thành, Nguyễn Như Thành, Dương Đức Tiến	ĐHSP, 2004	5	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học:

Trong 20 năm qua, cán bộ, giảng viên Nhà trường đã chủ trì thực hiện 11 đề tài cấp Nhà nước và đề tài thuộc Quỹ Khoa học và Công nghệ quốc gia (Nafosted), 43 đề tài cấp bộ, 56 đề tài/dự án cấp tỉnh và 513 đề tài/dự án cấp cơ sở. Từ kết quả của các đề tài/dự án, nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến đã được chuyển giao vào sản xuất và đời sống.

Cán bộ, giảng viên Nhà trường đã công bố hơn 2.500 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có 96 bài được đăng trên các Tạp chí có chỉ số ISI, Scopus. Tạp chí Khoa học của Nhà trường đã được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước đưa vào danh mục tính điểm công trình đối với 4 ngành khoa học thuộc Tạp chí Khoa học của Nhà trường, gồm: Văn học Việt Nam, Trồng trọt, Vật lý và Quản lý giáo dục. Hiện tại, Nhà trường đang tiếp tục nâng cao chất lượng của Tạp chí Khoa học, từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước và chuẩn Quốc tế.

Nhà trường đã tổ chức 740 Hội thảo các cấp, trong đó có 9 Hội thảo khoa học Quốc gia, 11 Hội thảo Quốc tế và nhiều Hội thảo liên tỉnh, liên trường. Các Hội thảo được tổ chức có sự tham gia đông đảo của các nhà quản lý, các nhà khoa học uy tín trong và ngoài nước.

Khoa Khoa học Tự nhiên là khoa đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học của trường với nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiều bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành hàng năm. Cho đến nay, cán bộ trong khoa đã tham gia thực hiện 126 đề tài, từ cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh đến các đề tài cấp sơ sở, trong đó chủ trì thực hiện 62 đề tài các cấp. Đã công bố 455 bài báo, trong đó có 122 bài trên các Tạp chí quốc tế; 333 bài ở các Tạp chí khoa học và hội nghị, hội thảo toàn quốc.

Cán bộ trong khoa đã xuất bản 46 tài liệu sử dụng trong nghiên cứu giảng dạy ở bậc cao đẳng, đại học và sau đại học, gồm 15 giáo trình và 31 tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo.

4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với hơn 50 trường đại học có uy tín ở 25 quốc gia và vùng lãnh thổ bao gồm: Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, Hoa Kỳ, CHLB Đức, New Zealand, Australia, Trung Quốc, Thái Lan, Hà Lan, Ba Lan, Vương quốc Bỉ... ; thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế như Tổ chức Hỗ trợ đại học Thế giới - WUDC (Canada), Project Trust (Vương quốc Anh), chương trình Fulbright tại Việt Nam, phòng Văn hóa - Thông tin Đại sứ quán Hoa Kỳ, tổ chức Giáo dục Quốc tế AEI (Tây Ban Nha)...

Nhà trường đã cử 202 cán bộ, giảng viên, sinh viên đi học thạc sỹ, tiến sỹ tại 40 trường đại học uy tín trên thế giới thông qua đề án "Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài" và hàng trăm lượt cán bộ, giảng viên đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác đã được ký kết.

Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả nhiều dự án hợp tác quốc tế như: Dự án Trung tâm giáo dục Nông nghiệp (AEC) với Canada; dự án phòng chống ma túy trong trường sư phạm với UNDP; dự án hợp tác xây dựng chương trình Việt Nam

học với Trường Đại học Cộng đồng Tidewater, Hoa Kỳ; dự án ứng dụng quy trình sản xuất hoa phong lan của Thái Lan tại Thanh Hóa với Trường Đại học Công nghệ Hoàng gia Suvanabhumi, Thái Lan; dự án Hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo ở các trường đại học nông nghiệp Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu do Chính phủ Hà Lan tài trợ... Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng được các nhóm nghiên cứu về vật lý, nông nghiệp, sinh học, môi trường... với sự tham gia của các giáo sư đại học Zielona Gora (Ba Lan), Đại học Greifswald (CHLB Đức) và phối hợp với tổ chức thành công nhiều Hội thảo khoa học quốc tế.

Hiện tại, Nhà trường đang triển khai chương trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với Trường Đại học Zielona Gora (Ba Lan); thực hiện chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên chuyên ngành Vật lý trong khuôn khổ học bổng Eramus Plus của cộng đồng chung Châu Âu; hợp tác đào tạo bậc đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế với Trường Đại học Công nghệ Hoàng gia Thanyaburi, Thái Lan theo mô hình 1+3; hằng năm tiếp nhận và đào tạo hàng trăm lưu học sinh cho nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào ở bậc đại học và sau đại học.

5. Tóm tắt chương trình và kế hoạch đào tạo

5.1. Tóm tắt chương trình đào tạo

- Ngành đào tạo đăng ký mở: Sư phạm Khoa học tự nhiên
- Thời gian đào tạo: 4 năm (48 tháng).
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ (không kể GDTC và GDQP).
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- Chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu tiên: 40 chỉ tiêu/01 năm.

5.2. Kế hoạch đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
		Học kỳ 1	**16**
Học phần bắt buộc			
1	196045	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	133031	Tiếng Anh 1	4
3	173080	Tin học	2
4	114099	Toán cao cấp	4
5	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
6	210003	Nhập môn Khoa học tự nhiên	2
		Học kỳ 2	**15**
Học phần bắt buộc			

7	196046	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
8	133032	Tiếng Anh 2	3
9	114005	Xác suất thống kê	3
10	181080	Tâm lý học	4
Học phần tự chọn			
	Chọn 1 trong 2 học phần		**2**
11	210041	Tế bào học	*2*
12	118050	Sinh học phát triển cá thể động thực vật	*2*
Học kỳ 3			**15**
Học phần bắt buộc			
13	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
14	197030	Pháp luật đại cương	2
15	182005	Giáo dục học	4
16	210004	Sự hình thành và phát triển sự sống trên trái đất	2
17	210030	Cơ học và Nhiệt học	3
18	210035	Hoá đại cương	2
Học kỳ 4			**15**
Học phần bắt buộc			
19	198025	Đường lối của ĐCS Việt Nam	3
20	133033	Tiếng Anh 3	3
21	210031	Điện từ học	3
22	210036	Hoá vô cơ	3
23	210042	Động vật học	3
Học kỳ 5			**15**
Học phần bắt buộc			**11**
24	210007	Lý luận dạy học	2
25	210032	Quang học và Hạt nhân nguyên tử	3
26	210037	Hoá hữu cơ	3
28	210043	Thực vật học	3
Học phần tự chọn			**4**
29	210006	Lý sinh	*2*
30	118010	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	*2*
	Chọn 1 trong 2 học phần		**2**
38	210044	Sinh thái học	*2*
39	117090	Tập tính động vật và vật nuôi	*2*
Học kỳ 6			**14**
Học phần bắt buộc			**6**
31	210008	PPDH Khoa học tự nhiên	2
32	210038	Thực hành hóa học	2

33	132005	Kiến tập sư phạm	2
Học phần tự chọn			**8**
	Chọn 1 trong 2 học phần		**4**
36	210033	Vật lý lý thuyết	*4*
37	210050	Cơ học lý thuyết	*4*
	Chọn 1 trong 2 học phần		**2**
27	210039	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	*2*
37	210040	Hoá lý	*2*
	Chọn 1 trong 2 học phần		**2**
34	210005	Hóa sinh học	*2*
35	118059	Công nghệ sinh học	*2*
Học kỳ 7			**16**
Học phần bắt buộc			**6**
40	210009	Thực hành PPDH Khoa học tự nhiên	3
42	210045	Di truyền học	3
Học phần tự chọn			**10**
	Chọn 2/3 học phần		**4/6**
43	210001	Môi trường và con người	2
44	210002	PPNC Khoa học ngành KHTN	2
45	210049	Đại cương khoa học môi trường	2
	Chọn 1 trong 2 học phần		**2**
46	210034	Phát triển bài tập vật lý sơ cấp	*2*
47	210051	Cơ học lượng tử	*2*
	Chọn 1 trong 2 học phần		**2**
48	210053	Hoá công nghệ	*2*
49	210054	Hóa phân tích	*2*
	Chọn 1 trong 2 học phần		**2**
48	210046	Vi sinh học	*2*
49	210052	Sinh lý học người và động vật	*2*
Học kỳ 8			**13**
Học phần bắt buộc			
50	198000	Quản lý HC NN và QLGD	2
51	116067	Thực tập sư phạm	5
52	210047	Dạy học tích hợp Lý-Hóa-Sinh	3
53	210048	Sử dụng phần mềm trong dạy học Lý-Hóa-Sinh	3
Tổng 8 học kỳ			**120**

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo đã được đưa lên trang website của nhà trường tại địa chỉ: http://www.hdu.edu.vn.

Nhà trường cam kết hàng năm đầu tư, mua sắm bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên trình độ đại học.

Đối chiếu với Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/09/2017 về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường đại học Hồng Đức đã có đủ điều kiện để đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên.

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên, trình độ đại học, mã số: 7140247./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Mạnh An